

KẾ HOẠCH

Thực hiện Chiến lược phát triển chăn nuôi giai đoạn 2021- 2030, tầm nhìn 2045, theo Quyết định số 1520/QĐ-TTg ngày 06/10/2020 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

Căn cứ Luật Chăn nuôi ngày 19/11/2018; Luật Thú y ngày 19/6/2015.

Căn cứ Quyết định số 1520/QĐ-TTg ngày 06/10/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược phát triển chăn nuôi giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn 2045; UBND tỉnh xây dựng Kế hoạch thực hiện Chiến lược phát triển chăn nuôi giai đoạn 2021- 2030, tầm nhìn 2045 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang, như sau:

I. QUAN ĐIỂM PHÁT TRIỂN

- Phát huy tiềm năng, lợi thế của tỉnh để phát triển chăn nuôi trở thành ngành sản xuất hàng hóa; bền vững và thích ứng với biến đổi khí hậu, đồng thời phát triển, nâng cao giá trị gia tăng, bảo đảm an toàn sinh học, dịch bệnh, môi trường và an toàn thực phẩm, đối xử nhân đạo với vật nuôi, đáp ứng nhu cầu thị trường trong tỉnh và cả nước, tạo việc làm, tăng thu nhập cho người dân.

- Phát triển ngành chăn nuôi theo hướng trang trại, công nghiệp hóa; hỗ trợ, tạo điều kiện hộ chăn nuôi theo phương thức truyền thống chuyển dần sang phương thức chăn nuôi trang trại, công nghiệp, đồng thời đẩy mạnh chăn nuôi hữu cơ, chăn nuôi truyền thống theo hướng sản xuất hàng hóa chất lượng cao, an toàn.

- Phát triển chăn nuôi gắn với bảo vệ môi trường và sức khỏe cộng đồng. Khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường từ những hoạt động chăn nuôi, lưu thông vận chuyển, giết mổ động vật và kinh doanh phân phối.

- Tập trung phát triển những loại vật nuôi có lợi thế: heo, bò, gia cầm; đẩy mạnh việc xã hội hóa các hoạt động trong chăn nuôi, phát triển chăn nuôi phù hợp với kinh tế thị trường; tạo môi trường kinh doanh bình đẳng để mọi thành phần kinh tế tham gia đầu tư phát triển.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

- Đẩy mạnh phát triển chăn nuôi, đưa chăn nuôi thành ngành sản xuất chính có tỷ trọng đáng kể trong ngành nông nghiệp, có quy mô sản xuất theo hướng tập trung, với trình độ chăn nuôi từng bước được hiện đại hóa, đáp ứng yêu cầu thị trường trong và ngoài tỉnh, nâng cao thu nhập ổn định cho người chăn nuôi, hạn chế tối đa ô nhiễm môi trường.

- Đa dạng hóa các loại vật nuôi để phát huy lợi thế của từng tiểu vùng và nhu cầu đa dạng của từng thị trường, nhưng tập trung chuyển dịch cơ cấu đàn vật nuôi theo hướng tăng tỷ trọng đàn gia cầm, đàn heo, đàn bò. Chuyển dần từ chăn nuôi nông hộ sang phát triển chăn nuôi gia trại, trang trại; duy trì chăn nuôi nông hộ



nhưng theo hình thức công nghiệp và công nghệ cao; khuyến khích tổ chức sản xuất khép kín. Liên kết giữa các khâu trong chuỗi giá trị để cắt giảm chi phí, tăng hiệu quả và giá trị gia tăng.

- Tăng hàm lượng khoa học và ứng dụng công nghệ vào trong sản xuất, ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất nhằm làm giảm chi phí, tạo giá trị gia tăng cao và phát triển bền vững. Đẩy mạnh công tác khuyến nông, chuyển giao tiến bộ khoa học công nghệ đến người chăn nuôi. Nâng cao hiệu quả hoạt động và không ngừng phát triển các tổ hợp tác, hợp tác xã và kinh tế trang trại, làm chủ thể để liên kết với các doanh nghiệp trong sản xuất - thu mua - chế biến - tiêu thụ sản phẩm.

- Tranh thủ tối đa những hỗ trợ từ cơ chế chính sách, huy động được mọi nguồn lực của các thành phần kinh tế để hỗ trợ người chăn nuôi kết nối, tiếp cận với dịch vụ nghiên cứu, chuyển giao công nghệ, liên kết với các doanh nghiệp chế biến, hệ thống tiêu thụ sản phẩm để phát huy sức mạnh tổng hợp, đảm bảo chăn nuôi có hiệu quả cao và bền vững.

- Tổ chức các mô hình chăn nuôi đến từng vùng sinh thái của từng huyện. Các mô hình phát triển chăn nuôi được xây dựng cho từng loại vật nuôi chính, sản phẩm chăn nuôi hàng hóa được sản xuất chủ yếu trong các trang trại, hộ chăn nuôi chuyên nghiệp bảo đảm an toàn sinh học, an toàn dịch bệnh, thân thiện với môi trường, đối xử nhân đạo với vật nuôi, đáp ứng yêu cầu chất lượng, an toàn thực phẩm cho tiêu dùng trong nước và tăng cường xuất khẩu.

- Xác định nguồn cung từng nhóm sản phẩm; hướng dẫn các địa phương áp dụng phương án tái đàn phù hợp; khuyến khích các doanh nghiệp, cơ sở chăn nuôi heo đáp ứng kỹ thuật; đảm bảo môi trường và phòng chống dịch bệnh phù hợp với tình hình thực tế của địa phương.

2. Mục tiêu cụ thể

- Mức tăng trưởng giá trị sản xuất: giai đoạn 2021 - 2025 trung bình từ 4,7 đến 5,5%/năm; giai đoạn 2026 - 2030 trung bình từ 6 đến 7%/năm.

- Sản lượng thịt xẻ các loại: đến năm 2025 đạt từ 26 đến 30 ngàn tấn, trong đó: thịt heo từ 65 đến 70%, thịt gia cầm từ 28 đến 32%, thịt gia súc ăn cỏ từ 2 đến 3%; đến năm 2030 đạt từ 32 đến 35 ngàn tấn, trong đó: thịt heo từ 60 đến 65%, thịt gia cầm từ 31 đến 35%, thịt gia súc ăn cỏ từ 4% đến 5%.

- Sản lượng trứng: đến năm 2025 đạt từ 380 đến 400 triệu quả trứng; đến năm 2030 đạt khoảng 450 triệu quả trứng.

- Bình quân sản phẩm chăn nuôi/người/năm: đến năm 2025 đạt từ 50 đến 55 kg thịt xẻ các loại, từ 180 đến 200 quả trứng và đến năm 2030 đạt từ 55 đến 65 kg thịt xẻ các loại, từ 220 đến 250 quả trứng.

- Tỷ trọng gia súc và gia cầm được giết mổ tập trung đạt tương ứng khoảng 85% và 35% vào năm 2025, khoảng 90% và 40% vào năm 2030.

- Tỷ trọng thịt gia súc, gia cầm được chế biến so với tổng sản lượng thịt: từ 20 đến 25% vào năm 2025, từ 30 đến 40% vào năm 2030;

- Xây dựng cơ sở chăn nuôi an toàn dịch bệnh: đến năm 2025 xây dựng được ít nhất 2 cơ sở, đến năm 2030 ít nhất 5 cơ sở.

III. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN CHĂN NUÔI ĐẾN NĂM 2030, TẦM

NHÌN 2045

1. Định hướng phát triển chăn nuôi đến năm 2030

- Heo là vật nuôi chính được tiếp tục phát triển theo hướng tăng tổng đàn, với hình thức chuyển dần từ chăn nuôi nhỏ lẻ sang chăn nuôi trang trại, từng bước hình thành các khu vực khuyến khích chăn nuôi tập trung quy mô công nghiệp, đồng thời mở rộng hình thức chăn nuôi theo hướng hữu cơ với các giống heo bản địa, heo lai giữa giống cao sản và giống bản địa. Tổng đàn heo có mặt thường xuyên ở quy mô từ 400 đến 450 ngàn con, trong đó đàn lợn nái từ 50 đến 52 ngàn con; đàn heo được nuôi trang trại, công nghiệp chiếm trên 40%.

- Phát triển chăn nuôi gia cầm theo hướng an toàn sinh học, đảm bảo tính bền vững, hạn chế tối đa bùng phát dịch bệnh. Chuyển mạnh từ chăn nuôi phân tán sang chăn nuôi tập trung. Tổng đàn gà có mặt thường xuyên từ 4 đến 5 triệu con, trong đó khoảng 50% được nuôi theo phương thức công nghiệp. Tổng đàn thủy cầm có mặt thường xuyên từ 4 đến 5 triệu con, trong đó khoảng 10% được nuôi theo phương thức công nghiệp.

- Đàn bò thịt ổn định ở quy mô từ 15 đến 18 ngàn con, trong đó khoảng 5% được nuôi trong trang trại.

- Đàn trâu ổn định ở quy mô từ 5,5 đến 6 ngàn con, trong đó khoảng 5% được nuôi trong trang trại.

- Vật nuôi khác: sản lượng tổ yến đạt từ 30 đến 35 tấn vào năm 2025 và từ 35 đến 40 tấn vào năm 2030.

- Khuyến khích phát triển công nghiệp sản xuất nguyên liệu, thức ăn bổ sung, nhất là công nghệ sinh học nhằm đáp ứng đủ các chế phẩm sinh học thay thế kháng sinh, hóa chất dùng trong chăn nuôi và tận thu, nâng cao giá trị dinh dưỡng các nguồn phụ phẩm nông nghiệp, công nghiệp trong tỉnh như: bã, men bia, bã dứa, tiết và phụ phẩm lò mổ, vỏ đầu tôm...

- Kiểm soát dịch bệnh: nâng cao năng lực kiểm soát dịch bệnh, nhất là việc khống chế các dịch bệnh nguy hiểm ảnh hưởng đến đàn vật nuôi và những dịch bệnh có nguy cơ lây sang người, bảo đảm an toàn dịch bệnh, an toàn thực phẩm, đáp ứng nhu cầu tiêu dùng ngày càng cao trong tỉnh và cả nước.

- Giết mổ và chế biến sản phẩm chăn nuôi: nâng cao năng lực vận chuyển, giết mổ tập trung theo hướng hiện đại, các loại vật nuôi bảo đảm an toàn dịch bệnh, an toàn thực phẩm, bảo vệ môi trường và đối xử nhân đạo với vật nuôi; phát triển mạnh mẽ công nghiệp chế biến, đa dạng hóa sản phẩm nhằm nâng cao chất lượng, giá trị gia tăng của sản phẩm chăn nuôi làm tăng sức mua trong tỉnh và đáp ứng tốt hơn cho nhu cầu trong nước.

- Nâng cao năng lực kiểm soát chất lượng vật tư và an toàn thực phẩm sản phẩm chăn nuôi, nhất là vấn đề kiểm soát ô nhiễm vi sinh vật, tồn dư chất cấm, lạm dụng kháng sinh và hóa chất trong chăn nuôi, thú y, giết mổ, chế biến thực phẩm.

- Nâng cao năng lực kiểm soát môi trường trong chăn nuôi, giết mổ và chế biến sản phẩm chăn nuôi đáp ứng các quy định của pháp luật về môi trường. Tất cả các cơ sở chăn nuôi, cơ sở giết mổ, cơ sở chế biến sản phẩm chăn nuôi phải có giải pháp kiểm soát môi trường phù hợp, bảo đảm không gây ô nhiễm môi trường và sử dụng có hiệu quả nguồn chất thải cho nhu cầu trồng trọt, nuôi trồng thủy sản, chăn

nuôi côn trùng, sản xuất năng lượng tái tạo...

2. Tầm nhìn đến năm 2045

- Phát triển chăn nuôi trở thành ngành sản xuất hàng hóa, từng bước đáp ứng nhu cầu thực phẩm cho tiêu dùng trong nước và xuất khẩu.

- Không chế và kiểm soát tốt các bệnh truyền nhiễm nguy hiểm; bệnh lây nhiễm sang người.

- Đa số sản phẩm chăn nuôi chính, bao gồm thịt, trứng được sản xuất trong các cơ sở chăn nuôi an toàn sinh học và thân thiện với môi trường.

- 90% sản phẩm thịt gia súc, gia cầm hàng hóa được cung cấp từ các cơ sở giết mổ tập trung, công nghiệp và trên 60% khối lượng sản phẩm chăn nuôi chính được qua sơ chế, chế biến công nghiệp, trong đó khoảng 20% được chế biến sâu.

IV. GIẢI PHÁP

1. Hoàn thiện các nhóm chính sách phát triển chăn nuôi

a). Chính sách đất đai

Có chính sách dành quỹ đất để phát triển chăn nuôi đáp ứng các quy định của Luật Chăn nuôi, bảo đảm yêu cầu giảm thiểu ô nhiễm môi trường, an toàn dịch bệnh, an toàn sinh học và nâng cao hiệu quả chăn nuôi. Ưu tiên giao đất, thuê đất với chính sách ưu đãi theo quy định của pháp luật về đất đai cho các cơ sở giống, cơ sở chăn nuôi trang trại tập trung, công nghiệp đủ điều kiện chăn nuôi an toàn sinh học trong vùng phát triển chăn nuôi, cơ sở giết mổ tập trung, chế biến công nghiệp trong lĩnh vực chăn nuôi.

b). Chính sách tài chính và tín dụng

- Ngân sách nhà nước hỗ trợ:

+ Dự trữ sản phẩm chăn nuôi thiết yếu phù hợp với từng thời kỳ;

+ Xây dựng cơ sở hạ tầng, bao gồm đường, điện, nước và xử lý môi trường cho cơ sở sản xuất giống, cơ sở giết mổ, bảo quản, chế biến công nghiệp sản phẩm chăn nuôi thuộc khu vực đã được xác định trong các quy hoạch phát triển;

+ Hằng năm, giám định, bình tuyển, loại thải và thay thế đàn giống vật nuôi trong sản xuất. Hỗ trợ thông qua con giống cho phát triển chăn nuôi đối với vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn, vùng đặc biệt khó khăn;

+ Áp dụng công nghệ cao, công nghệ sinh học trong sản xuất, chế biến nguyên liệu thức ăn chăn nuôi và thuốc thú y;

+ Đầu tư hạ tầng cơ sở xây dựng các trung tâm hội chợ, chợ đầu mối giới thiệu, tiêu thụ các sản phẩm chăn nuôi; hỗ trợ việc tổ chức hội chợ, triển lãm, hội thi con giống và sản phẩm chăn nuôi.

- Thực hiện có hiệu quả chính sách ưu đãi thuế đối với hoạt động trong các lĩnh vực của ngành chăn nuôi nhằm tạo điều kiện phát triển chăn nuôi hiện đại, toàn diện, đồng bộ; tiếp tục rà soát, hoàn thiện cơ chế, chính sách liên quan nhằm thu hút, khuyến khích đầu tư hạ tầng kỹ thuật, nghiên cứu khoa học, ứng dụng công nghệ để phát triển chăn nuôi hiện đại, theo chuỗi khép kín, nâng cao năng suất, chất lượng và sức cạnh tranh của ngành chăn nuôi.

- Tín dụng đầu tư phát triển: nhà nước cho vay đầu tư dự án phát triển giống vật nuôi, cơ sở giết mổ, bảo quản chế biến sản phẩm chăn nuôi theo hướng công

nghiệp, cơ sở sản xuất nguyên liệu thức ăn chăn nuôi, thuốc thú y áp dụng công nghệ cao, công nghệ tiên tiến, công nghệ mới, công nghệ sinh học.

- Các ngân hàng thương mại tạo điều kiện cho các tổ chức, cá nhân vay vốn theo chính sách ưu đãi của nhà nước để đầu tư con giống, cơ sở vật chất, đổi mới công nghệ, phát triển chăn nuôi và cơ sở giết mổ tập trung theo phương thức hiện đại, bảo quản, chế biến công nghiệp. Căn cứ điều kiện cụ thể trình Hội đồng nhân dân tỉnh có chính sách hỗ trợ lãi suất vốn vay cho các dự án đầu tư phát triển chăn nuôi, giết mổ, bảo quản, chế biến công nghiệp các sản phẩm chăn nuôi trên địa bàn.

- Tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng cơ sở chăn nuôi an toàn sinh học hoặc cơ sở giết mổ, bảo quản, chế biến gia súc, gia cầm tập trung, công nghiệp được hưởng các chính sách ưu đãi cao nhất về thuế theo quy định.

- Thúc đẩy nhanh việc phát triển và nhân rộng các chuỗi liên kết trong chăn nuôi và nâng cao hiệu quả hỗ trợ, nhất là đối với khu vực chăn nuôi nông hộ thông qua khuyến khích hình thức hỗ trợ các doanh nghiệp, hợp tác xã đầu tư vào chăn nuôi có gắn kết với các trang trại, hộ chăn nuôi.

c). Chính sách thương mại

- Tăng cường cập nhập và quảng bá thông tin về tình hình chăn nuôi và thị trường các sản phẩm chăn nuôi trong nước và quốc tế. Gắn kết khuyến nông với thị trường, nhằm định hướng phát triển chăn nuôi phù hợp với nhu cầu tiêu dùng.

- Xây dựng các chuỗi ngành thịt an toàn, có sự kiểm soát từ trang trại đến bàn ăn; hình thành mối liên kết giữa người sản xuất với các kênh tiêu thụ sản phẩm, đảm bảo sản phẩm được tiêu thụ kịp thời, giá cả phù hợp.

- Tổ chức các hệ thống tiêu thụ sản phẩm gắn với cơ sở giết mổ, bảo quản, chế biến bảo đảm vệ sinh thú y, an toàn thực phẩm, nhằm thay đổi thói quen tiêu dùng. Xây dựng thương hiệu cho các sản phẩm đặc trưng của tỉnh, như giống heo hương nạc, gia cầm sạch bệnh, ...

d). Khuyến nông và thông tin tuyên truyền

- Đẩy mạnh chương trình khuyến nông chăn nuôi theo chuỗi khép kín, kinh tế tuần hoàn, bảo đảm người chăn nuôi có thể làm chủ được kỹ thuật để sản xuất sản phẩm chăn nuôi an toàn và hiệu quả, chuyển giao quy trình, công nghệ chăn nuôi cho nông hộ, trang trại phù hợp với từng đối tượng vật nuôi và vùng sinh thái.

- Đa dạng hóa các chương trình truyền thông nhằm từng bước thay đổi nhận thức và các thói quen không phù hợp trong chăn nuôi, giết mổ, chế biến và tiêu dùng sản phẩm chăn nuôi.

2. Nâng cao năng lực phòng, chống dịch bệnh và bảo vệ môi trường

- Chủ động tổ chức và nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống dịch bệnh, đảm bảo an toàn dịch tễ đàn gia súc, gia cầm và các vật nuôi khác; xây dựng cơ sở an toàn dịch bệnh, nhất là cơ sở sản xuất giống và vùng chăn nuôi tập trung.

- Áp dụng quy trình chăn nuôi an toàn sinh học, thực hành chăn nuôi tốt (VietGAHP) đối với các cơ sở chăn nuôi. Đẩy mạnh tỷ lệ tiêm phòng bắt buộc và có biện pháp loại trừ các cá thể mang trùng đối với các bệnh nguy hiểm, tạo đàn gia súc, gia cầm sạch bệnh.

- Phối hợp với các tỉnh trong khu vực trong công tác kiểm soát nguồn gia súc, gia cầm và các sản phẩm chế biến cung cấp cho tỉnh.

- Thanh tra, kiểm tra chặt chẽ công tác phòng chống dịch bệnh, vệ sinh thú y tại các địa phương trong tỉnh.

- Xây dựng mạng lưới giết mổ tập trung kết hợp với quản lý chặt chẽ công tác kiểm soát giết mổ, vận chuyển, chế biến sản phẩm gia súc, gia cầm nhằm cung cấp nguồn thực phẩm đáp ứng yêu cầu an toàn thực phẩm, hạn chế lây lan dịch bệnh.

3. Khoa học công nghệ

- Tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động nghiên cứu, ứng dụng tiên bộ khoa học kỹ thuật, áp dụng chuyển giao các công nghệ mới, tiên tiến trong chăn nuôi. Ưu tiên hoạt động nghiên cứu về giống mới, ứng dụng công nghệ sinh học, sản xuất vaccin và chuyển giao quy trình, công nghệ trong chăn nuôi.

- Ứng dụng tiên bộ kỹ thuật, công nghệ mới vào quy trình sản xuất giống, sản xuất thức ăn, chăm sóc; tập trung đẩy mạnh hình thức nuôi với quy mô công nghiệp, trang trại.

- Từng bước nâng cao cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện đại phục vụ trong chăn nuôi.

4. Nâng cao năng suất, chất lượng giống vật nuôi

- Chọn tạo nâng cao năng suất, chất lượng, sự đồng nhất về sản phẩm của các giống vật nuôi trong sản xuất phù hợp với địa phương, từng phương thức chăn nuôi và phân khúc thị trường; hỗ trợ tích cực cho chương trình xây dựng thương hiệu, chỉ dẫn địa lý, sản phẩm chăn nuôi sản xuất theo chuỗi và truy xuất được nguồn gốc. Tiếp thu nhanh các tiến bộ kỹ thuật, công nghệ cao, công nghệ tiên tiến, công nghệ mới, công nghệ sinh học của thế giới. Trong đó, cần chú trọng việc bảo tồn, khai thác đặc điểm sinh học quý của các nguồn gen, giống bản địa.

- Tiếp tục cải tiến nâng cao tầm vóc đàn bò trong tỉnh, phát triển mạng lưới thụ tinh nhân tạo và sử dụng một số giống bò có khả năng thích nghi với điều kiện sinh thái trong tỉnh để tạo đàn cái nền phục vụ cho lai tạo giống bò thịt chất lượng cao, cung cấp bê đực cho nuôi vỗ béo bò thịt.

- Bình tuyển, chọn lọc đàn trâu trong sản xuất, tạo đàn cái nền và đực giống tốt cung cấp cho nhu cầu cải tiến, nâng cao chất lượng đàn giống, thực hiện tốt giải pháp đảo đực giống giữa các vùng nhằm tránh tình trạng cận huyết và phát huy ưu thế lai.

- Nhân thuần, chọn lọc nâng cao, cải tiến năng suất, chất lượng giống vật nuôi bản địa có nguồn gen quý, hiếm làm nguyên liệu lai tạo với các giống cao sản.

- Xây dựng và sử dụng các công thức lai giống phù hợp cho từng phương thức chăn nuôi và phân khúc thị trường bảo đảm có số lượng sản phẩm đủ lớn và đồng nhất về chất lượng đáp ứng cho tiêu dùng trong tỉnh và cả nước.

- Hằng năm, Chi cục Chăn nuôi và Thú y tổ chức đánh giá, bình tuyển chất lượng đối với đàn đực giống hoạt động dịch vụ gieo tinh trực tiếp trên địa bàn nhằm loại thải những đực giống kém chất lượng, không có lý lịch, nguồn gốc rõ ràng.

5. Nâng cao chất lượng, hạ giá thành thức ăn chăn nuôi



- Phát triển công nghiệp chế biến thức ăn chăn nuôi; khuyến khích đầu tư, xây dựng các nhà máy sản xuất thức ăn chăn nuôi công nghiệp. Khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư áp dụng công nghệ cao, công nghệ tiên tiến, công nghệ mới, công nghệ sinh học nhằm sản xuất nhanh các chế phẩm sinh học thay thế kháng sinh, hóa chất sử dụng làm nguyên liệu thức ăn chăn nuôi, thay thế nguồn nguyên liệu nhập khẩu.

- Tăng cường công tác kiểm soát chất lượng, nhất là các chỉ tiêu an toàn đối với thức ăn chăn nuôi. Khuyến khích phát triển các mô hình chế biến các loại thức ăn chăn nuôi hữu cơ bằng công nghệ, thiết bị nghiền trộn nhỏ và cơ động phù hợp với loại hình chăn nuôi nông hộ, hợp tác xã; mô hình thâm canh trồng cỏ để chăn nuôi và vỗ béo các loại gia súc ăn cỏ.

6. Nâng cao năng lực giết mổ và chế biến sản phẩm chăn nuôi

- Thực hiện hoàn thành “Đề án quy hoạch hệ thống cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm tập trung trên địa bàn tỉnh Kiên Giang”. Tổ chức lại hệ thống giết mổ và chế biến gia súc, gia cầm theo hướng tập trung, công nghiệp gắn với vùng chăn nuôi hàng hoá, bảo đảm yêu cầu về vệ sinh thú y, an toàn thực phẩm, bảo vệ môi trường và đối xử nhân đạo với vật nuôi.

- Cùng với các chính sách khuyến khích phát triển hoạt động giết mổ tập trung, công nghiệp cần tăng cường các biện pháp quản lý đối với công tác giết mổ, nhất là các cơ sở giết mổ nhỏ lẻ, thủ công không bảo đảm vệ sinh thú y và an toàn thực phẩm.

- Khuyến khích phát triển công nghiệp chế biến, chế biến sâu các sản phẩm chăn nuôi nhằm đa dạng hóa và nâng cao giá trị sản phẩm chăn nuôi phù hợp với nhu cầu của thị trường.

7. Đào tạo nguồn nhân lực

- Tiếp tục đào tạo để nâng cao năng lực quản lý nhà nước cho cán bộ chăn nuôi, thú y các cấp, nhất là hệ thống chăn nuôi thú y cấp xã. Đẩy mạnh hoạt động khoa học công nghệ gắn với hoạt động khuyến nông. Chú trọng đào tạo kỹ năng quản trị, kỹ thuật chăn nuôi, quản lý dịch bệnh và an toàn thực phẩm cho người chăn nuôi thông qua các chương trình dạy nghề, hoạt động khuyến nông.

8. Phát triển công nghiệp hỗ trợ ngành chăn nuôi

- Khuyến khích phát triển công nghiệp cơ khí, hóa chất và công nghệ sinh học để cung cấp các thiết bị chuồng trại, giết mổ, chế biến, các loại hóa chất, chế phẩm sinh học thay thế nguồn nhập khẩu.

- Khuyến khích phát triển công nghệ tiên tiến, hiện đại trong quản lý ngành và quản trị hoạt động kinh doanh chăn nuôi, nhất là các phần mềm tin học phù hợp với đặc thù của chăn nuôi trang trại quy mô nhỏ và chăn nuôi nông hộ.

9. Đổi mới tổ chức sản xuất

- Tổ chức sản xuất các ngành hàng sản phẩm chăn nuôi theo hướng chuyên môn hóa, hiện đại và hiệu quả gắn với các chuỗi liên kết, trong đó phát huy vai trò chủ đạo của doanh nghiệp, hiệp hội và hợp tác xã.

- Khuyến khích phát triển các doanh nghiệp, tập đoàn lớn đủ khả năng đầu tư vào ngành chăn nuôi theo chuỗi khép kín và hỗ trợ, dẫn dắt người chăn nuôi sản xuất đáp ứng nhu cầu thị trường. Chú trọng củng cố và phát triển mô hình hợp tác

xã kiểu mới trong lĩnh vực chăn nuôi làm cầu nối giữa các nông hộ, trang trại với các doanh nghiệp lớn và thị trường.

10. Tăng cường năng lực quản lý nhà nước ngành chăn nuôi, thú y

- Kiện toàn, tăng cường năng lực tổ chức bộ máy và cơ chế, chính sách quản lý ngành chăn nuôi, thú y.

- Hoạt động chăn nuôi, thú y là hoạt động sản xuất, kinh doanh có điều kiện, cơ sở có hoạt động chăn nuôi, thú y phải đáp ứng các điều kiện theo quy định của pháp luật về môi trường, an toàn sinh học và đối xử nhân đạo với vật nuôi.

- Thay đổi cách tiếp cận về phương thức quản lý sản xuất, quản lý chất lượng sản phẩm để người sản xuất, kinh doanh tự chủ động trong việc kiểm soát chất lượng, an toàn sản phẩm của mình trước khi đưa ra thị trường.

- Xã hội hóa các dịch vụ công về chăn nuôi, thú y để mọi thành phần kinh tế có đủ điều kiện có thể tham gia nhằm công khai, minh bạch các hoạt động quản lý, giám sát về biên chế, ngân sách nhà nước và cung cấp cho người dân chất lượng dịch vụ tốt nhất.

V. CÁC CHƯƠNG TRÌNH, ĐỀ ÁN CHỦ YẾU

- Tiếp tục triển khai Đề án quy hoạch hệ thống cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm tập trung trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

- Xây dựng Đề án phát triển Chăn nuôi theo hướng bền vững tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2021 - 2025 và định hướng đến năm 2030.

- Tiếp tục triển khai Đề án Phát triển giống cây trồng vật nuôi tỉnh Kiên Giang.

- Tiếp tục thực hiện Đề án tái cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2020-2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang

VI. NGUỒN VỐN THỰC HIỆN

1. Huy động nguồn vốn

- Nguồn ngân sách nhà nước cấp theo quy định.

- Lồng ghép trong các Chương trình mục tiêu quốc gia, Chương trình mục tiêu, chương trình, kế hoạch, dự án khác.

- Nguồn vốn vay ưu đãi, vốn ODA (nếu có).

- Tổ chức, cá nhân đầu tư và các nguồn vốn huy động khác.

2. Sử dụng hiệu quả nguồn vốn đầu tư chăn nuôi

- Ngân sách nhà nước ưu tiên đầu tư cho phát triển hạ tầng kỹ thuật phục vụ nghiên cứu, đào tạo nguồn nhân lực; nâng cao năng lực quản lý ngành chăn nuôi, thú y; kiểm soát dịch bệnh, vệ sinh an toàn thực phẩm; bảo tồn và phát triển nguồn gen giống vật nuôi bản địa, quý, hiếm; dự trữ sản phẩm chăn nuôi thiết yếu phù hợp với từng thời kỳ.

- Đẩy mạnh xã hội hóa, khuyến khích tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước đầu tư vào các hoạt động sản xuất, kinh doanh lĩnh vực chăn nuôi, thú y, chế biến và thị trường tiêu thụ sản phẩm chăn nuôi theo quy định của pháp luật.

VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành và địa phương triển khai thực hiện Kế hoạch; tham mưu xây dựng các chương trình, đề án có liên quan. Đề xuất, kiến nghị, trình UBND tỉnh quyết định những vấn đề phát sinh, vượt thẩm quyền, bổ sung, điều chỉnh Kế hoạch phù hợp với điều kiện thực tiễn.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính

Theo chức năng chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoàn thiện các chính sách về đầu tư, tài chính để thực hiện có hiệu quả các mục tiêu và nội dung của Kế hoạch.

3. Sở Khoa học và Công nghệ:

Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xây dựng và triển khai các giải pháp, tăng cường nghiên cứu và ứng dụng khoa học và công nghệ phát triển chăn nuôi theo định hướng của Kế hoạch.

4. Sở Công Thương:

Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn triển khai các chính sách, giải pháp thúc đẩy thị trường, xúc tiến thương mại cho sản phẩm chăn nuôi.

5. Sở Tài nguyên và Môi trường:

Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn các địa phương lập phương án, kế hoạch sử dụng đất, bố trí quỹ đất cho chăn nuôi và chính sách về đất đai cho tổ chức, cá nhân thuê phát triển chăn nuôi, xây dựng cơ sở giết mổ, bảo quản, chế biến công nghiệp và kiểm soát ô nhiễm môi trường trong chăn nuôi.

6. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội:

Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xây dựng và chỉ đạo triển khai chương trình đào tạo nghề, chuyển đổi nghề cho người chăn nuôi và chính sách hỗ trợ chuyển đổi nghề cho những người chăn nuôi không còn khả năng chăn nuôi hoặc có nhu cầu chuyển đổi sang lĩnh vực sản xuất kinh doanh khác thuận lợi hơn.

7. Sở Nội vụ:

Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tham mưu, đề xuất cho UBND tỉnh kiện toàn lại hệ thống thú y các cấp theo đúng Luật Thú y đảm bảo đủ nhân lực thực hiện có hiệu quả công tác chuyên ngành Chăn nuôi Thú y.

8. Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước tỉnh.

Chỉ đạo các tổ chức tín dụng triển khai kịp thời các chính sách tín dụng liên quan đến hoạt động phát triển chăn nuôi theo chỉ đạo của Chính phủ, của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và của tỉnh.

Phối hợp với các sở, ngành có liên quan tham mưu, đề xuất các chính sách tín dụng hỗ trợ phát triển chăn nuôi theo chỉ đạo của địa phương (nếu có) để thực hiện có hiệu quả các mục tiêu và nội dung của Kế hoạch.

9. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội tỉnh

Tích cực phối hợp các ngành chức năng và địa phương cùng cấp tổ chức tuyên truyền, vận động hội viên, đoàn viên, người chăn nuôi thực hiện tốt quy định cấm chăn nuôi trong khu vực nội thành, nội thị, vùng nuôi chim yến theo quy định; từng

bước thay đổi nhận thức và các thói quen không phù hợp trong chăn nuôi, giết mổ, chế biến và tiêu dùng sản phẩm chăn nuôi.

10. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố:

Tổ chức xây dựng và thực hiện Kế hoạch phát triển chăn nuôi giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn 2045 phù hợp với điều kiện địa phương.

Các sở, ban ngành cấp tỉnh có liên quan; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp của Kế hoạch này về UBND tỉnh (thông qua Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn).

Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc hoặc cần thiết phải sửa đổi, bổ sung Kế hoạch cho phù hợp với tình hình thực tế, đề nghị các sở, ban ngành cấp tỉnh có liên quan và UBND các huyện, thành phố chủ động báo cáo, đề xuất về Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp, báo cáo đề xuất cho UBND tỉnh)./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- TT.TU, TT.HĐND tỉnh;
- CT, các PCT.UBND tỉnh;
- Các sở, ban ngành cấp tỉnh (Đảng, CQ, ĐT và DNNN);
- UBND các huyện, TP;
- LĐVP, Phòng: KT, KGVX, TH;
- Lưu: VT, tvhung.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Thanh Nhàn

